

UBND TỈNH BẮC GIANG
BCĐ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
LẦN THỨ III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Số: 225/CV-BCĐ

V/v Tham gia ý kiến báo cáo đại
hội đại biểu các dân tộc thiểu số
lần thứ III

Kính gửi: Thành viên Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân
tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang lần thứ III, năm 2019;

Thực hiện Kế hoạch số 802/KH-UBND ngày 13/03/2019 của UBND tỉnh;
Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 3/4/2019; Quyết định số 1351/QĐ-UBND
ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Ban Chỉ
đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc
Giang lần thứ III, năm 2019;

Ban Chỉ đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh đề nghị các thành
viên Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang lần thứ
III, năm 2019 tham gia ý kiến báo cáo chính trị đại hội: Tình hình dân tộc, kết
quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, phong trào thi đua yêu nước
giai đoạn 2014 - 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp công tác dân tộc giai
đoạn 2019 - 2024 tỉnh Bắc Giang.

(có dự thảo báo cáo gửi kèm)

Đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc
thiểu số tỉnh Bắc Giang tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp vào báo cáo
gửi về Ban Dân tộc trước ngày 06/9/2019, để chỉnh sửa hoàn thiện./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.
- * **Bản điện tử:**
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn, bộ phận.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Hồng Luân
TRƯỞNG BAN DÂN TỘC



Số: /BC-BCĐ
DỰ THẢO

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình dân tộc, kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2014 - 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2019 - 2024 tỉnh Bắc Giang

Chủ đề Đại hội CÁC DÂN TỘC ĐOÀN KẾT, PHÁT HUY NỘI LỰC, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Sau 5 năm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang lần thứ II, đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh đã ra sức thi đua phấn đấu, tự lực, tự cường cùng toàn đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết, đổi mới, quyết tâm xây dựng quê hương ngày càng phát triển. Thực hiện Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 22/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, tỉnh lần thứ III năm 2019 và Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ II năm 2020; Ban Chỉ đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số lần III tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, phong trào thi đua yêu nước giai đoạn (2014 - 2019); phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc giai đoạn (2019 - 2024) và tôn vinh, biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho công tác dân tộc của tỉnh như sau:

Phần thứ nhất VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH DÂN TỘC, VÙNG DÂN TỘC, MIỀN NÚI VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Bắc Giang là vùng đất cổ, có bề dày lịch sử hình thành và phát triển cùng với lịch sử dân tộc Việt Nam, có vị trí thuận lợi, nằm ở khu vực chuyển tiếp từ vùng Trung du, Miền núi phía Bắc đến vùng đồng bằng Sông Hồng, thuộc vùng thủ đô Hà Nội, nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn- Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh, là tỉnh có thể mạnh ba vùng: rừng núi, trung du và đồng bằng. Diện tích tự nhiên 3.849 km²; có 09 huyện, 01 thành phố (6 huyện miền núi, 01 huyện vùng cao Sơn Động được đầu tư theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ), với 230 xã, phường, thị trấn, 2.480 thôn, bản, tổ dân phố. Dân số 1.803.950 triệu người, với 37 thành phần dân tộc; dân tộc thiểu số có 257.273 người, bằng 14,26 % dân số toàn tỉnh, trong đó có 7 dân tộc thiểu số có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng (Nùng 97.876 người; Tày 57.224

người; Sán Diu 33.135 người; Hoa 22.960 người; Cao Lan 19.021 người; Sán Chí 12.495 người; Dao 12.271 người), còn lại 2.291 người là 30 dân tộc thiểu số: Thái, Mường, Mông, Khmer, E Đê, Ba Na, Chăm, Cơ Ho, Xơ Đăng, Hrê, Raglay, MNông, Thổ, Kơ Mú, Bru-Vân Kiều, Giáy, Tà Ôi, Mạ, Hà Nhì, Lào, La Chí, Phù Lá, La Hủ, Pà Thên, Lự, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Cống) với số dân rất ít, chủ yếu tăng cơ học, cư trú rải rác ở các địa phương, sinh sống không tập trung thành thôn, bản riêng. Có 4 huyện đông người dân tộc thiểu số, gồm: Sơn Động 45.338 người, Lục Ngạn 122.294 người; Lục Nam 35.972 người; Yên Thế 36.054 người.

Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang có 188 xã, chiếm 72% diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Trong đó, 58 xã khu vực I; 90 xã khu vực II; 40 xã khu vực III và 407 thôn bản đặc biệt khó khăn. Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp, trong đó tập trung chủ yếu ở 90 xã vùng dân tộc, với 247.753 người, bằng 96,3% tổng số người dân tộc thiểu số toàn tỉnh. Mỗi dân tộc có một bản sắc, tập tục, sắc thái văn hóa truyền thống riêng, cư trú đan xen giữa đồng bào miền xuôi với đồng bào miền núi, giữa đồng bào dân tộc Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số tạo thành một cộng đồng đoàn kết, thống nhất, đan xen, hoà quyện. Là nơi có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế, sản xuất nông lâm nghiệp, với nhiều vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường như vải thiều, các loại cây có múi, táo lai, na dai, hạt dẻ, dược liệu ba kích, nghệ, trồng rừng sản xuất; chăn nuôi gia súc, gia cầm...đồng thời là khu vực tập trung nhiều giá trị di sản văn hoá là điều kiện để phát triển thương mại và du lịch sinh thái như: Thác Ngà, Suối Mỡ, Đồng Cao, Khe Rỗ, Tây Yên Tử...mang lại nguồn thu nhập cho nhân dân trong vùng. Bên cạnh những tiềm năng, lợi thế do tự nhiên mang lại, vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn nhiều khó khăn như giao thông, thủy lợi chưa thuận lợi, thường xuyên xảy ra lũ ống, lũ quét vào mùa mưa ảnh hưởng lớn đến sản xuất; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế vùng.

Phần thứ hai

TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC, PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2014-2019

1. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP

Tỉnh ủy Bắc Giang đã quan tâm đưa công tác chỉ đạo thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân vùng dân tộc vào Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thể chế hóa các chính sách của Trung ương cho phù hợp thực tế địa phương, bên cạnh đó ban hành các chính sách riêng để hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số,

nổi bật là các nghị quyết: số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, số 12/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2018, giai đoạn 2019-2021; Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 ngày 11/7/2018, số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2019.

UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành, quản lý chính sách dân tộc; tăng cường công tác phối hợp giữa chính quyền với mặt trận tổ quốc và các đoàn thể; nhiều chương trình phối hợp triển khai, thực hiện chính sách dân tộc được các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ký kết; giải quyết kịp thời chế độ chính sách, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thái độ phục vụ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Đã khảo sát đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội vùng dân tộc và các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang để có biện pháp chỉ đạo đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đầu tư phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số được tiến hành thường xuyên, định kỳ để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện, tạo sự chuyển biến trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Chỉ đạo đẩy mạnh, tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào dân tộc và miền núi như: Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", Gia đình văn hoá"; "Làng, bản, tổ dân phố văn hoá"; phong trào: "Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", phong trào đền ơn đáp nghĩa và các cuộc vận động vì người nghèo... với tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau" góp phần chăm no, cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo niềm tin cho cán bộ, nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, phát triển của đất nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC, PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.

1. Kết quả triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, dành nguồn lực để đầu tư hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong giai đoạn 2014-2019, Bắc Giang triển khai trên 63 chính sách của Trung ương và địa phương, trong đó chính sách do Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành 10 nhóm chính sách (02 chương trình mục tiêu quốc gia; theo lĩnh vực, ngành 56 chính sách; địa phương ban hành 5 chính sách) với tổng nguồn lực gần 10.000 tỷ đồng, bao phủ toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội, cơ sở hạ tầng đầu tư trên 1.300 công trình, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo an sinh xã

hội như: Chương trình 135 hỗ trợ đầu tư tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn và các xã ATK, với tổng số vốn 454 tỷ đồng, Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo Sơn Động trên 150 tỷ đồng; Quyết định 755/QĐ-TTg, Quyết định số 2085/QĐ-TTg với tổng kinh phí trên 67 tỷ đồng; Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã hỗ trợ 50,044 tỷ đồng; Chính sách người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg với tổng kinh phí trên 8 tỷ đồng; Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức nước ngoài viện trợ cho 42 chương trình, dự án với tổng kinh phí tiếp nhận trên 781 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới; các chính sách hỗ trợ giáo viên, học sinh, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế ở, cho vay tín dụng, hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo và Chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho 36 thôn bản ĐBKK nhất tỉnh theo Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh, với kinh phí 87 tỷ đồng, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, kinh phí trên 400 tỷ đồng. Thông qua triển khai thực hiện các chính sách đã có tác động mạnh mẽ, tạo sức lan tỏa sâu, rộng, tạo nhiều chuyển biến tích cực đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số; nhóm các chính sách tạo việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo đã hỗ trợ người dân nâng cao cơ hội có việc làm, tham gia thị trường lao động, chuyển đổi cơ cấu việc làm theo hướng đa dạng hóa sinh kế, giảm tỷ lệ thất nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện cuộc sống, góp phần ổn định xã hội. Các chính sách hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế có tác dụng rõ rệt, thành công nhất là chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, người nghèo.

2. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

2.1 Về phát triển kinh tế

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi có sự tăng trưởng và phát triển mạnh, tổng giá trị sản xuất năm 2018 khoảng 31.496 tỷ đồng, tăng 13.260 tỷ đồng so với năm 2014. Tăng trưởng GRDP 6,9% trên lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản (tăng 1,4% so với năm 2014). Thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số khoảng 65 triệu đồng/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, thương mại, công nghiệp, song nông, lâm nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo chiếm trên 70% cơ cấu kinh tế.

Sản xuất nông nghiệp đang từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, quy mô lớn, có sự liên kết hình thành chuỗi giá trị với những sản phẩm cho năng suất, chất lượng như chè Bản Ven, gà đồi Yên Thế, mật ong Sơn Động, vải thiều, Mỳ Chũ Lục Ngạn. Hình thành các vùng chuyên canh cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP như: vải thiều, cam, bưởi, na dai,... năm 2019, các hộ thu nhập từ vải thiều đạt 147 nghìn tấn, giá trị gần 5 nghìn tỷ đồng; diện tích trồng cây có múi 8.010 ha, sản lượng đạt 43.758 tấn, giá trị thu nhập hằng năm đối với các loại cây trồng đạt khoảng 11.000 tỷ đồng....Số hộ gia

đình chăn nuôi có quy mô lớn ngày càng tăng, hiện có 817 trang trại (tăng 193 trang trại so với năm 2014), trên 170 nghìn con trâu, bò, 600 nghìn con lợn, 13 triệu con gia cầm. Kinh tế lâm nghiệp ngày càng phát triển, đã hình thành vùng gỗ nguyên liệu tập trung với quy mô lớn trên 80.000 ha; có 54.853 hộ trồng rừng kinh tế, 745 hộ nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng. Giai đoạn 2014-2019 đã trồng rừng tập trung được trên 45 nghìn ha, nâng tỷ lệ diện tích che phủ rừng từ 36,8% năm 2014 lên 37,6% năm 2018 góp phần xóa đói, giảm nghèo và làm giàu cho người dân. Từ phong trào sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, những tấm gương xuất sắc, tiêu biểu đại diện cho tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, họ chính là những người tiêu biểu nhất đi đầu trong lao động sản xuất, có sáng tạo, năng động, với ý chí quyết tâm vươn lên làm giàu, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, ngày càng nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, cho thu nhập cao (có 504 hộ cho thu nhập hàng năm từ 50 đến 100 triệu đồng; 150 hộ cho thu nhập từ 100 triệu đồng trở lên; 15.380 hộ thu nhập chủ yếu từ trồng rừng), điển hình như: **Ông Thăng Văn Báo** - dân tộc Sán Diêu, thôn Muối, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn với mô hình phát triển kinh tế trang trại hộ gia đình cho thu nhập hàng năm trên 500 triệu đồng/năm; **bà Nguyễn Thị Như**, dân tộc Tày, thôn Mật, xã An Lập, huyện Sơn Động mô hình trồng cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào trồng hoa lan mang lại thu nhập kinh tế cao 400 triệu đồng/năm; **bà Trương Thị Hậu**, dân tộc Dao, người phụ nữ vừa "giỏi việc nước, đảm việc nhà" trồng trên 01 ha cây ăn quả, hàng chục ha rừng kinh tế thu nhập bình quân 300 trđ/năm, là trưởng thôn đi đầu trong phong trào làm kinh tế ở bản Văn Non, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam; **Ông Lục Văn Trung**, dân tộc Tày thôn Đồng Việt, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam hiện là Bí thư chi đoàn thôn Đồng Việt với suy nghĩ là thành niên có sức khỏe, có kiến thức khoa học không cam chịu đói nghèo; năm 2013 gia đình anh nỗ lực khai phá đất và tích tụ đến nay anh có 1,5 ha vải và 1,5 mẫu cam cho thu lợi hàng năm 300 triệu đồng. Năm 2019 anh được Huyện ủy Lục Nam chọn là tấm gương điển hình "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; ông Vi Văn Vít - dân tộc Nùng, thôn Dọc Mùng xã Giáp Sơn; ông Bàn Văn Thế dân tộc Hoa xã Trường Giang, huyện Lục Nam; ông Bàn Vũ Quyền - dân tộc Dao, bản Mùng, xã Dương Hưu; ông Ninh Văn Cạng - dân tộc Sán Chí, thôn Lọ, xã Lệ Viễn; ông Lại Văn Bình - dân tộc Hoa xã Tân Lập, bà Xâm Thị Năm - dân tộc Hoa xã Quý Sơn, ông Lãnh Văn Hồng - dân tộc Tày xã Phì Điền, ông Đặng Văn Hương - dân tộc Dao xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn...

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại-dịch vụ tiếp tục được quan tâm, khuyến khích phát triển, thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư xây dựng vào vùng dân tộc và miền núi, như: Nhà máy nhiệt điện Sơn Động, Công ty TNHH MTV 45- Tổng công ty Đông Bắc; Nhà máy chế biến Quặng Đồng, Nhà máy May: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế thu hút gần 8.000 lao động vùng dân tộc miền núi, thu nhập bình quân đạt trên 5 triệu/người/tháng, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp toàn vùng ước đạt trên 30 nghìn tỷ đồng. Dịch vụ duy trì ổn định và phát triển theo hướng

đa dạng hóa các loại hình dịch vụ bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ngân hàng, vận tải, viễn thông...song tốc độ chưa cao

2.2 Về văn hóa xã hội:

** Về giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm*

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư nâng cấp xây mới phòng học, phòng chức năng, nhà công vụ giáo viên cho các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số theo hướng kiên cố, hiện đại, từng bước chuẩn hoá, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, giảng dạy của thầy cô. Các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi có đủ 3 cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học tương đối cao (Mầm non 74,4%, Tiểu học: 91%, THCS 67,7%, THPT: 64,7%). Các huyện miền núi có ít nhất 3 trường THPT và 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, toàn tỉnh có 5 trường phổ thông dân tộc nội trú (trong đó 1 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh và 4 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện); 4 trường phổ thông dân tộc bán trú. Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 100%, các trường phổ thông dân tộc bán trú đạt 75% (3/4 trường) đã bảo đảm cơ bản nhu cầu học tập của học sinh dân tộc thiểu số. Chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn có nhiều chuyển biến rõ nét, 100% giáo viên đạt chuẩn ở các cấp học, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo tăng 3,3% (95,9 % năm 2014 tăng lên 99,2% năm 2019), đã hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học và trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh người DTTS thi đỗ vào các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp tăng (tăng 3,3% so với năm 2014). Thực hiện tốt các chính sách, chế độ miễn học phí, cấp học bổng, hỗ trợ tiền ăn, ở, cấp gạo và các khoản chi khác cho học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời cho gần 253.195 lượt học sinh con hộ nghèo, cận nghèo, học sinh mẫu giáo vùng khó khăn, với tổng kinh phí là 272 tỷ đồng.

Qua tổng kết phong trào thi đua đã có nhiều tấm gương tập thể, cá nhân là giáo viên, học sinh người dân tộc thiểu số có nhiều thành tích xuất sắc trong giảng dạy và học tập được suy tôn, biểu dương trong tất cả các cấp học từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học, điển hình như: Phòng Giáo dục đào tạo huyện Lục Nam, trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn; **cháu Lý Hồng Ngọc**- Dân tộc Sán Dìu, học sinh Trường PTDT nội trú tỉnh, nhiều năm đạt học sinh giỏi toàn diện, là thành viên đội tuyển học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh. **Cháu Nguyễn Kim Anh** - Dân tộc Tày là học tiêu biểu của trường THCS xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, đạt giải nhất môn ngữ văn cấp huyện, giải nhì cấp tỉnh; **em Lãnh Hồng Tươi** - dân tộc Nùng, học sinh trường THCS Cẩm Đàn, 5 năm liền đạt học sinh giỏi và đạt giải 3 cấp tỉnh môn ngữ văn; Lý cấp tỉnh; em Từ Văn Ngọc - dân tộc Sán Chí đỗ Đại học Quốc gia Hà Nội; em **Lâm Thị Nhung** - dân tộc Hoa đỗ Đại học Ngoại Thương; em **Vi Văn Cầu** - dân tộc Nùng đỗ đại học Sĩ quan Lục quân 1- là học sinh Trường PT Dân tộc nội trú.... **Cô giáo Nguyễn Thị Chinh** - dân tộc Mường, trường THPT Tứ Sơn huyện Lục Nam, nhiều năm đạt GV giỏi cấp tỉnh, **cô Trần Thị Thúy**, Dân tộc Dao, Giáo viên trường Mầm non xã Lục Sơn nhiều năm liền đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh 2016-2019; **cô Trần Thị Thu Hà**, Dân tộc Tày, Phó hiệu trưởng, trường

PTDT nội trú huyện Yên Thế, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, **Thầy giáo Hoàng Văn Thông**- Dân tộc Tày, Trường THCS xã Quế Sơn, huyện Sơn Động đạt Giáo viên giỏi cấp tỉnh; cô giáo **Vi Thị Thanh Giang** - dân tộc Tày trường PT DTNT, cô giáo **Phùng Thị Thương** - dân tộc Nùng, giáo viên trường Tiểu học Sơn Hải, cô giáo **Ninh Thị Cần** - dân tộc Cao Lan, giáo viên Mầm non xã Đèo Gia, cô **Lường Thị Bé** - dân tộc Nùng giáo viên trường Mầm non Sa Lý, cô **Mai Kim Hoa** - dân tộc Khơ Me giáo viên Tiểu học xã Trù Hựu...

- Công tác dạy nghề và giới thiệu việc làm trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi đã đạt được kết quả tích cực. Đã thực hiện dạy nghề cho 26.453 lao động nông thôn, trong đó có trên 5.000 lao động người DTTS (chiếm 18,9%), góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2018 lên 63,1% (tăng 12% so với năm 2015). Trong giai đoạn 2014 -2019, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 160.960 lao động, trong đó xuất khẩu lao động 6.575 người (số người dân tộc thiểu số được giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động gần 1.200 người, tăng 308 người so với giai đoạn 2009-2014), tỷ lệ lao động, làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 19% so với năm 2014.

** Công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển cơ sở y tế đạt được những kết quả tích cực. Đầu tư nâng cao chất lượng y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là các trạm y tế cơ sở như: bệnh viện đa khoa huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế. Mạng lưới khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng phát triển đa dạng, mở rộng và phát triển, quy mô giường bệnh/vạn dân tăng từ 22,2 giường năm 2014 lên 26,1 giường năm 2018. Công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Năm 2018, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế là 96,5% (tăng 46,5% so với năm 2014); đội ngũ y sỹ, bác sỹ được tăng cường về số lượng và chất lượng, 97,7% trạm Y tế các xã vùng dân tộc, miền núi của tỉnh có bác sỹ, 100% có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh (tăng 1,2% so với năm 2014); Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 17%, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 85%, tuổi thọ bình quân các dân tộc thiểu số 72,1 tuổi. Chất lượng khám chữa bệnh ban đầu tại Trạm y tế xã ngày được nâng lên, khi mắc bệnh thông thường thì người bệnh không phải đi lên cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện để khám bệnh chữa bệnh, giảm được thời gian cũng như kinh phí cho người nghèo, dân tộc thiểu số. Dự kiến hết 2019 trên 80% dân số toàn tỉnh được quản lý sức khỏe điện tử.

- Chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế được mở rộng, 100% người dân tộc thiểu số thuộc các xã vùng khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế tăng từ 73% năm 2015 lên 99% năm 2019. Từ năm 2014 đến nay đã cấp 964.227 lượt thẻ BHYT cho hộ nghèo và người DTTS ở các xã vùng khó khăn, khám chữa bệnh theo thẻ BHYT trên 1,5 triệu lượt; tạo điều kiện cho đồng bào tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, Quyết định số 538/QĐ-UBND quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh

cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, qua đó tạo điều kiện tốt hơn cho người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe. Từ tháng 7/2014 đến 30/6/2019 đã hỗ trợ tiền đi lại, viện phí, tiền ăn trong những ngày điều trị cho 30.913 lượt người là hộ nghèo, 23.086 lượt người dân tộc thiểu số, với tổng số tiền khoảng 27,23 tỷ đồng.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Luong y như từ mẫu” nhiều tập thể, cá nhân các Y, Bác sĩ người DTTS đã nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, nêu cao tấm gương tận tụy, phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, không quản khó khăn, không sợ lây nhiễm, có nhiều thành tích xuất sắc, điển hình như: Trung tâm Y tế huyện Sơn Động, Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn và cá nhân **Bác sĩ Hứa Văn Hùng** - Dân tộc Nùng, trưởng khoa y học cổ truyền- phục hồi chức năng, Trung tâm Y tế huyện Sơn Động, đã có 15 năm công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đặc biệt là vùng DTTS bằng nghề thuốc Y học cổ truyền và vận dụng bài thuốc Nam dân gian để chữa bệnh; **Bác sĩ Trương Văn Sáu** - dân tộc Sán Dìu- trưởng khoa nội, Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn đã phát triển được 16 kỹ thuật mới ứng dụng thành công và hiệu quả; **Bác sĩ Kiều Ngọc Ánh**- Dân tộc Cao Lan- Khoa xét nghiệm Trung tâm y tế huyện Lục Nam luôn tận tụy, hết lòng vì công việc và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; **Bác sĩ Lâm Văn Tuấn** - dân tộc Sán Chí, Phó giám đốc trung tâm Kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế,- được nhà nước phong danh hiệu thầy thuốc ưu tú năm 2016, Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen thành tích xuất sắc trong phong trào đua yêu nước 2011-2016...

** Văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và khoa học - công nghệ*

- Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, trên 95% số xã đã có hệ thống đài truyền thanh; 100% số thôn, bản trong có hệ thống loa, hoặc các cụm loa đảm bảo gần 95% số hộ dân trong xã nghe được; tổng số thuê bao điện thoại cố định vùng dân tộc của tỉnh đạt trên 6.400 thuê bao; thuê bao di động đạt 386.407 thuê bao; số hộ gia đình có kết nối Internet là 46.036; tổng số trạm 520 BTS phủ sóng 100% diện tích khu vực; các xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông đạt 84%; các thôn, bản của các xã vùng dân tộc có Internet đạt 95%; số hộ gia đình xem được truyền hình đạt 80%.

Tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, quy hoạch, đề án về công tác văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số như: Đề án “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020”; Đề án “Tổ chức định kỳ Ngày hội văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2030”; Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014 – 2020”...Đến nay có 10 cá nhân là người dân tộc thiểu số được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Đã biên tập các bộ sách song ngữ Việt - Tày, Nùng đưa vào giảng dạy ở các trường dân tộc nội trú; tổ chức các khoá học tiếng dân tộc cho cán bộ công chức, viên chức. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã đưa nhiều tin, bài về gương tập thể, cá nhân điển hình trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, khơi dậy tinh thần đại đoàn kết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây

dựng chương trình phát tiếng dân tộc và chương trình ca nhạc bằng tiếng Tày, Nùng, Dao. Các lễ hội, phong tục, tập quán tốt đẹp được bảo tồn, phát triển như: hát then - đàn tính của dân tộc Tày, Nùng; dân ca Sán Chí, Cao Lan, lễ hội Từ Hà (Lục Ngạn); câu lạc bộ dân ca dân tộc thiểu số ở các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế; các trò chơi dân gian, các môn thể thao của đồng bào dân tộc được bảo tồn...; xây dựng huyện Lục Ngạn là huyện điểm tổ chức ngày hội văn hoá các dân tộc đã trở thành diễn đàn để các dân tộc trình diễn nét đẹp văn hoá truyền thống. Từ phong trào phát triển văn hóa, bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa; phong trào đoàn kết toàn dân, xây dựng khu dân cư văn hóa thể dục thể thao đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc, điển hình như: ông **Nguyễn Văn An**, dân tộc Sán Dìu xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn nghệ nhân dân gian dân ca tâm huyết với văn hóa truyền thống, bỏ công sức thành lập 6 câu lạc bộ dân ca dân tộc Sán Dìu, sưu tầm, lưu giữ, sáng tác bài hát cổ truyền, bài hát mới truyền dạy cho các thế hệ; ông **Hứa Việt Hải**, dân tộc Tày, xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế, có thành tích trong bảo vệ giữ gìn bản sắc văn hóa, trang phục, phong tục tập quán thờ cúng của dân tộc Nùng; ông **Chung Văn Thảo**, dân tộc Cao Lan, thôn Đèo Gia, xã Đèo Gia; ông **Mã Văn Hảo**, dân tộc Nùng, thôn Đồng Láy, xã Kim Sơn; ông **Lục Xuân Tích**, dân tộc Tày, xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn. Những nghệ nhân dân gian được nhà nước phong tặng danh hiệu: ông Bàn Văn Cường, dân tộc Dao, thôn Thanh Chung, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động - nghệ nhân dân gian dân tộc Dao; bà Trạc Thị Ngọn dân tộc Cao Lan thôn Khe Nghè, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam được nhà nước phong tặng -Nghệ nhân loại hình tri thức dân gian; bà Bằng Thị Hội Dân tộc Cao Lan, thôn Cống Luộc, xã Đèo Gia -Nghệ nhân dân gian dân tộc Cao Lan; ông Lâm Văn Sặt, dân tộc Sán Chí, thôn Cống, xã Kiên Lao - Nghệ nhân dân gian dân tộc Sán Chí; ông Mạc Văn Đậu, dân tộc Nùng, thôn Quán Cà, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn- Nghệ nhân dân gian dân tộc Nùng...

- Ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, công nghệ bảo quản vải thiều, công nghệ trồng, chế biến Chè Yên Thế, công nghệ nuôi cấy mô, lai tạo giống...xây dựng nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm Mỳ Chũ, Riệu Kiên Thành, quy mô, năng lực sản xuất trong vùng dân tộc thiểu số ngày càng được tăng lên. Ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ người tiêu dùng truy xuất nguồn gốc hàng hóa đối với một số sản phẩm chủ lực của vùng dân tộc như: Vải thiều, Cam, Bưởi, mật Ong, Mỳ chũ...Xây dựng đề án phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia, hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực các địa phương như là Vải Thiều tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đi nước ngoài, gà đồi Yên Thế vào các siêu thị, trung tâm thương mại tại Hà Nội và nhiều địa phương trên cả nước.

2.3 Công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới

Công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời. Nỗ lực phát huy những thành tựu, phong trào xã hội hóa công tác giảm nghèo được triển khai sâu rộng, chất lượng giảm nghèo được nâng lên, người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số có cơ

hội tiếp cận đầy đủ hơn với các loại dịch vụ xã hội cơ bản. Qua 5 năm thực hiện đến nay không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo vùng khó khăn từ 35,1% năm 2015 còn 20,7% năm 2018. Trong đó, các xã đặc biệt khó khăn giảm từ 51,6% năm 2015 xuống còn 32,16% năm 2018 (bình quân các xã giảm 6%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều); 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất giảm bình quân 4,16%/năm. Số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số giảm từ 20.320 hộ, năm 2015 xuống còn 11.921 hộ chiếm 35,96% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh năm 2018; Huyện nghèo theo Nghị quyết 30A chính phủ giảm từ 50,81 năm 2015 xuống còn 35,61% năm 2018. Nhận thức về mục tiêu giảm nghèo bền vững, trách nhiệm, cách thức tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc trong cán bộ và nhân dân đã có chuyển biến tích cực, đã có tác động mạnh mẽ, tạo sức lan tỏa sâu, rộng trong vùng DTTS, phát huy nội lực, cùng với hỗ trợ của nhà nước, diện mạo nông thôn vùng dân tộc thiểu số có những thay đổi căn bản, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện, tiêu biểu phải kể đến nhân dân và cán bộ huyện Sơn Động, các xã Cẩm Sơn, Kim Sơn, Đèo Gia huyện Lục Ngạn; xã Nghĩa Phương, Bảo Sơn huyện Lục Nam; xã Tam Hiệp huyện Yên Thế, xã Hương Sơn huyện Lạng Giang. Đã có nhiều tấm gương là người dân tộc thiểu số không cam chịu đói nghèo, quyết tâm vươn lên làm giàu như hộ gia đình **ông Lục Văn Trường** - dân tộc Nùng, thôn Rừng Chiềng, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế tấm gương điển hình thoát nghèo; trước năm 2017 gia đình ông vẫn thuộc hộ nghèo trong xã; nhờ nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách xã hội và hỗ trợ của các chương trình dự án chính sách dân tộc và nỗ lực cố gắng của bản thân, từ năm 2017 gia đình ông đã tập trung vào chăn nuôi gia cầm (hiện nay trang trại nuôi 6000 con vịt/lúa, một năm 05 lứa thu lợi gần 300 triệu đồng/năm).

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền các địa phương, các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, bộ mặt nông thôn vùng dân tộc có nhiều đổi mới, kang trang sạch đẹp hơn, kết cấu hạ tầng thiết yếu được nâng lên nhất là đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, thu nhập không ngừng được cải thiện và nâng lên góp phần vào phát triển kinh tế xã hội. Đến hết tháng 5/2019, bình quân các xã vùng dân tộc đạt 12,8 tiêu chí/xã (40 xã đạt từ 8-11 tiêu chí, 27 xã đạt từ 12-13 tiêu chí; 23 xã đạt từ 14-19 tiêu chí), có 13/90 xã vùng dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 14,4%⁽¹⁾. Thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 ngày 11/7/2018, số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh đạt kết quả tốt, đã cứng hóa được trên 700 km đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ xóm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" đã có sức lan tỏa rộng, lôi cuốn hàng nghìn người dân tham gia tự nguyện dỡ rào, chặt cây, hiến đất làm đường, xây dựng công trình công cộng làm cho quê hương ngày càng khởi sắc. Điển hình trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới là nhân dân và cán bộ xã Giáp Sơn, Thanh Hải huyện Lục Ngạn, xã Đông Phú huyện Lục Nam, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang. Về cá nhân có Ông Hoàng Văn Tiểu,

(¹) xã Tuấn Đạo huyện Sơn Động; xã Hồng Giang, Nghĩa Hồ, Thanh Hải, Giáp Sơn huyện Lục Ngạn; xã Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài huyện Lục Nam; xã Phồn Xương, Đông Tâm, An Thượng, Hương Vĩ huyện Yên Thế; xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

Dân tộc Cao Lan, bản Ven xã Xuân Lương, huyện Yên Thế đã thực hiện tốt chủ trương của Đảng, nhà nước về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, gia đình đã khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ 2,5 ha là rừng tự nhiên từ năm 1990 đến nay, góp phần giữ rừng, bảo vệ môi trường, thực hiện chủ trương hiến đất làm đường giao thông, gia đình ông đã tự nguyện hiến 2000 m² đất (đã có cây chè, cây phân được thu hoạch); Ông Vi Xuân Vĩnh- dân tộc Nùng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang là thương binh hạng 3, bị nhiễm chất độc da cam dioxin ảnh hưởng tới sức khỏe và khả năng lao động nhưng ông vẫn không nản chí mà vận dụng tìm tòi áp dụng tiến bộ KHKT vào trồng trọt chăn nuôi với mô hình kinh tế đồi rừng gần 2 ha Dứa, hơn 2 ha cây keo, bạch đàn, chăn nuôi bò...thu nhập trên 150 tr/ năm. Là chi hội trưởng Hội CCB luôn tuyên truyền vận động bà con đóng góp hơn 1000 ngày công, trên 100 triệu đồng, hiến hơn 1000m² đất làm đường liên thôn, vận động hội viên đóng góp xi măng để xây dựng nhà văn hóa....

2.4 Kết quả giúp đỡ các xã, thôn bản ĐBKK của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân.

Trong những năm qua, bên cạnh vốn đầu tư của Nhà nước, đã huy động được nguồn lực hỗ trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, các phong trào của phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, thanh niên tham gia hỗ trợ người nghèo vùng dân tộc thiểu số... Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 1883/QĐ-UBND, ngày 11/12/2013; Quyết định 540/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 phân công các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn giúp đỡ các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn. Kết quả, sau 5 năm thực hiện, các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ với trách nhiệm của mình đã tích cực chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng và tu sửa 80 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cựu chiến binh, nạn nhân chất độc màu da cam; xây dựng 16 nhà, phòng học, 5 nhà văn hóa; xây dựng trạm bơm phục vụ sản xuất; hỗ trợ internet cho 530 trường học vùng dân tộc và hỗ trợ nhiều cây, con giống có giá trị; thăm hỏi và tặng gần 4.000 suất quà cho người nghèo, gia đình chính sách vào dịp tết nguyên đán và ngày 27/7 hàng năm cùng nhiều sách vở, đồ dùng học tập...Ngoài việc giúp đỡ bằng vật chất các cơ quan, đơn vị còn giúp các địa phương tu sửa kênh mương, làm đường giao thông, san tạo mặt bằng các công trình trường lớp học, trạm y tế, tu sửa các nghĩa trang liệt sỹ, hướng dẫn kỹ thuật, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, giao hữu thể dục thể thao, khám bệnh cấp thuốc miễn phí...với tổng giá trị giúp đỡ từ năm 2014-2018 trên 30 tỷ đồng. Các đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác giúp đỡ các ĐBKK như: **Công ty cổ phần bất động sản Hà Quang** (Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa) trợ xây dựng hạ tầng các xã vùng dân tộc của tỉnh trên 15 tỷ đồng, hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho quân nhân Hội Cựu chiến binh, người nghèo trên 02 tỷ; **Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Bắc Giang** hỗ trợ xây dựng trường học cho thôn bản ĐBKK nhất tỉnh trên 02 tỷ đồng; **Công ty TNHH 1 thành viên 45** đã tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động người DTTS; **Công ty xăng dầu Hà Bắc** hỗ trợ gần 01 tỷ đồng cho xã Hộ Đáp xây dựng trường học; **UBND thành phố Bắc Giang** hỗ trợ cho thôn, bản nghèo xã Dương Hưn, huyện Sơn Động trên 1,5 tỷ để xây dựng nhà văn hóa; các đơn vị Tập đoàn Viễn thông quân đội chi nhánh Viettel Bắc Giang, Bộ Chỉ

huy quân sự tỉnh, Công An tỉnh; Sư Đoàn bộ binh 325 Quân đoàn 2; Sư Đoàn bộ binh 3 Quân khu I; Trường bắn quốc gia khu vực I.

Ngoài ra Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tham gia thực hiện chương trình an sinh xã hội, ủng hộ cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, tháng cao điểm vì người nghèo để hỗ trợ các xã nghèo thực hiện các công trình dân sinh, phát triển sản xuất, trợ giúp hộ nghèo, người nghèo khám chữa bệnh; giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh ĐBKK, hỗ trợ xây mới trên 1.000 ngôi nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách; Hỗ trợ 02 dự án di dân, tái định cư ở huyện Lục Ngạn... với tổng trị giá trên 240 tỷ đồng.

3. Kết quả xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo Quốc phòng - An ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Hệ thống chính trị ở cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được củng cố, tăng cường, có nhiều chuyển biến tích cực. Đảng bộ tỉnh hiện có trên 8,3 vạn đảng viên, trong đó đảng viên là người dân tộc thiểu số toàn tỉnh có 5894 đảng viên bằng 7,03% tổng số đảng viên trong đảng bộ; không còn thôn, bản trắng không có đảng viên. 100% số thôn, bản có ban công tác mặt trận và các tổ chức đoàn thể; tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị tăng². Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên, phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên và nhân dân, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. 100% các xã vùng dân tộc thiểu số đều có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa", hạn chế tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số từng bước được quan tâm. Tỉnh đã có chính sách khuyến khích cộng điểm thi tuyển công chức cho đối tượng dự tuyển là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc trong hệ thống chính trị hiện nay là 3.965 người, chiếm 9% (trong đó cán bộ công chức 211 người, tỷ lệ 5,7%; quản lý nhà nước 129 người, đảng đoàn thể 72 người; cán bộ công chức cấp xã 713 người, bằng 14,35%; viên chức sự nghiệp 3.042 người, chiếm 8,58%). Cán bộ lãnh đạo quản lý là người dân tộc thiểu số: cấp tỉnh 34/1154 cán bộ, bằng 2,9%; cấp huyện 79/957 cán bộ, bằng 8,3%; cán bộ chủ chốt cấp xã 151/1198 cán bộ, bằng 12,6%). Công tác luân chuyển cán bộ về vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng. Tổ chức, bộ máy làm công tác dân tộc các cấp được củng cố, kiện toàn; thành lập phòng dân tộc ở 4 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế, Lục Nam, biên

² Tham gia cấp ủy tỉnh 4/53 đồng chí, bằng 7,5%; cấp ủy huyện 40/394 đồng chí, bằng 10,2%; cấp ủy cơ sở 289/5.167 đồng chí, bằng 5,6%; tham gia đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp (nhiệm kỳ 2016 - 2021): đại biểu Quốc hội: 3 người (chiếm 37,5%), đại biểu HĐND tỉnh: 7 người (chiếm 8,24%), đại biểu HĐND cấp huyện: 54 người (chiếm 13,85%), đại biểu HĐND cấp xã: 914 người (chiếm 15,20%); trưởng, phó ngành cấp tỉnh 7 đồng chí; trưởng, phó phòng cấp tỉnh 141 đồng chí. Số ủy viên ủy ban Mặt trận Tổ quốc là người dân tộc thiểu số là 1.112/8.408 người, bằng 13,2% (cấp tỉnh: 11 người, cấp huyện: 71 người, cấp xã: 1030 người).

chế có từ 3 - 5 người, các huyện còn lại phân công 01 đồng chí lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND phụ trách, các xã bố trí công chức văn phòng - thống kê kiêm nhiệm công tác dân tộc.

Chỉ đạo tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và an ninh nông thôn ở các xã miền núi. Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn đã tích cực tổ chức các hoạt động từ thiện nhân đạo, thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tham gia khắc phục hậu quả thiên tai; giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung giải quyết các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo ở vùng dân tộc và miền núi luôn được quan tâm, thực hiện. Các tổ chức tôn giáo hoạt động tuân thủ pháp luật. Các chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo và nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tiêu biểu là Trung tá Lý Văn Đông- dân tộc Sán Chí, phó phòng an ninh nội bộ Công An tỉnh; Đàm Văn Thái - dân tộc Cao Lan, phó trưởng công an huyện Sơn Động; Đại tá Lý Hồng Lương- dân tộc Sán Diu, phó Chủ nhiệm chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thiếu tá Phạm Công Mạnh - dân tộc Sán Diu, Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát hình sự, Công an huyện Lục Nam...

Công tác vận động và phát huy vai trò già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS và đã thu được kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các xã, thôn bản vùng dân tộc thiểu số của tỉnh. Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 535 người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phần lớn người có uy tín đều tham gia các tổ chức đảng, đoàn thể ở cơ sở, qua công tác vận động, đa số người có uy tín gương mẫu, tích cực tham gia công tác xã hội như: vận động người dân đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự; vận động nhân dân hiến đất làm đường cho công trình xây dựng nông thôn mới; vận động bản làng, động viên con cháu tích cực tham gia phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất đạt hiệu quả, tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, người uy tín đã thực sự trở thành trung tâm đoàn kết dân tộc và gương mẫu, hướng dẫn nhân dân trong thôn bản phát triển kinh tế, tổ chức đời sống văn hoá và bảo vệ quốc phòng- an ninh, tiêu biểu như: ông **Bàn Văn Cường** - Dân tộc Dao, thôn Thanh Chung, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động truyền dạy tiếng nói, chữ viết người Dao, hiến 5000m² đất xây dựng trường học; **Ông Đinh Văn Chanh** - dân tộc Tày, thôn Dàn 3, xã Hữu Sản là người uy tín ngoài vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, gia đình ông hiến hơn 01 ha đất để thôn xây dựng nghĩa trang nhân dân; ông **La Văn Xô** - dân tộc Tày, thôn Hồ 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam; ông **Triệu Sinh Thắng**, xã Phong Minh, ông **Nguyễn Văn Long** xã Thanh Hải, ông **Hà Trung Thành**, xã Tân Mộc, ông **Lãnh Văn Tròn**, xã Biên Động, ông **Hoàng Văn Cương**, xã Nghĩa Hồ, ông **Hoàng Văn Đậu**, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn.

Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng chính quyền, đoàn thể; nhiều cán bộ là người dân tộc thiểu số đã phấn đấu, trưởng thành, có nhiều đóng góp trong việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng dân tộc thiểu số của tỉnh; nhiều Đảng bộ, chính quyền, cũng như các sở, ngành, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cũng như triển khai thực hiện các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, tiêu biểu như: Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Lục Nam, Sơn Động, Ban Dân tộc tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Các cá nhân: Bà **Lâm Thị Hương Thành**, Dân tộc Tày, UVBTVTU, Bí thư huyện ủy Tân Yên; ông **Đỗ Xuân Bình**, Dân tộc Sán Dìu, Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng tỉnh ủy; ông **Nông Văn Tâm** - dân tộc Nùng, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Yên Thế; ông **Hoàng Mi Ca** - Dân tộc Tày, Phó Bí thư Huyện ủy Sơn Động; ông **Trương Văn Năm**, dân tộc Sán Dìu- Phó Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn; ông **Trương Công Sìn**- dân tộc Sán Dìu, Phó chủ tịch Thường trực HĐND huyện Lục Nam...

Ghi nhận những công lao đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Để tôn vinh biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong vùng dân tộc, là đồng bào các dân tộc thiểu số thời kỳ hội nhập và phát triển, tại đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ III, năm 2019, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tặng 01 Huân chương lao động hạng II cho 01 cá nhân, Thủ tướng Chính phủ tặng 4 Bằng khen cho 02 tập thể và 02 cá nhân; Ủy ban Dân tộc tặng Bằng khen cho 07 tập thể và 23 cá nhân; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng Bằng khen cho 35 tập thể và 38 cá nhân, Trưởng Ban Dân tộc tặng giấy khen cho 18 tập thể và 21 cá nhân. Ngoài các hình thức khen thưởng trên các huyện đã kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của địa phương mình.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tổng quát

Có thể khẳng định rằng, sau 5 năm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ II và triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình, chính sách của đảng, nhà nước, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Kinh tế vùng dân tộc thiểu số có bước phát triển mạnh, tăng trưởng bình quân vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt trên 10%, đời sống của đồng bào dân tộc được nâng lên; hình thành vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa.

Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường và củng cố, đã tạo sự chuyển biến rõ rệt về tư tưởng, đổi mới trong công tác lãnh chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, ý thức của cán bộ, đảng viên trong tỉnh về công tác dân tộc. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện; 99,9% các hộ được sử dụng điện; 100% số xã vùng dân tộc, miền núi xe ô tô đã vào được trung tâm kể cả mùa mưa; tỷ lệ đường trục xã nhựa hóa, bê tông hóa 64%, đường trục thôn, liên thôn 48%, đường ngõ, xóm

29%; tỷ lệ kiên cố hoá kênh mương 33,6%; các công trình thủy lợi vừa và nhỏ được đầu tư đảm bảo tưới tiêu cho 68,2% diện tích trồng lúa nước; tỷ lệ các xã vùng dân tộc có nhà văn hoá xã đạt 69,2%, nhà văn hoá thôn bản đạt 87,7%. Lĩnh vực y tế, giáo dục được quan tâm đầu tư; văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy, hàng năm tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc mang đậm dấu ấn của từng dân tộc; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc và miền núi giảm 3-4%/năm. Đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự chuyển biến về nhận thức, cùng sự nỗ lực vươn lên thoát nghèo, làm giàu đã tạo thành các phong trào sản xuất, làm kinh tế trong hầu hết các lĩnh vực như: trồng rừng, chăn nuôi, trồng trọt, nghề thủ công...niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước được nâng lên.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1 Tồn tại, hạn chế

Mặc dù kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có bước phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng vẫn là vùng khó khăn nhất của tỉnh. Kết cấu hạ tầng nhiều nơi còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế, đời sống dân sinh, nhất là giao thông, thủy lợi; giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số không đạt được chỉ tiêu đề ra. Tình hình an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn một số vấn đề phức tạp, như: tranh chấp đất đai, truyền đạo trái phép...Đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, là “Lõi nghèo của tỉnh”³

- Việc học tập nâng cao trình độ dân trí, nhất là đối với con em các hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn nhiều khó khăn. Trình độ dân trí còn thấp và chưa đồng đều, khả năng tiếp thu, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm, nhất là các thôn bản có 100% người dân tộc thiểu số (còn 47 thôn 100% là người dân tộc thiểu số Sơn Động 12 thôn, Lục Ngạn 34 thôn, Yên Thế 1 thôn); Công tác tiếp cận thông tin, phương tiện truyền thông, việc tiếp cận với máy vi tính, internet còn hạn chế⁽⁴⁾.

- Chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn rất thấp (thể lực nhỏ bé, sức khoẻ yếu); trí lực còn hạn chế (các cháu học sinh dân tộc thiểu số tốt nghiệp cao đẳng đại học thấp); tâm lực (có lối sống tự nhiên, chưa quen với tác phong công nghiệp, thiếu kỹ năng sống, làm việc và hội nhập). Chất lượng dịch vụ y tế, công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân có mặt còn hạn chế. Một số chính sách hỗ trợ, đầu tư đối với đồng bào dân tộc thiểu số dàn trải, kém hiệu quả.

- Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chưa được bài trừ, bản sắc văn hoá của một số dân tộc đang đứng trước thực trạng bị mai một như: phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, tiếng nói, tiềm năng du lịch chưa được khai thác triệt để...

³ (Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc cao gấp 2 lần mức bình quân trung của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số cao gấp 3,75 lần bình quân chung toàn tỉnh, thu nhập bình quân của hộ đồng bào DTTS bằng 1/3 bình quân thu nhập của tỉnh).

- Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa vùng dân tộc và các vùng khác trong tỉnh, giữa các thành phần dân tộc còn cao; công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa tạo được sự chuyển biến mạnh.

2.2 Nguyên nhân những tồn tại hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

- Đồng bào dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở địa bàn miền núi, vùng cao, địa hình chia cắt, có điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất, đời sống và sinh hoạt, tiếp cận thị trường. Sống khép kín ở những thôn thuần đồng bào dân tộc thiểu số, không có sự cạnh tranh⁵.

- Nguồn lực thực hiện các chính sách dân tộc hàng năm chưa được cụ thể hóa trong Luật Ngân sách nên các Bộ, ngành và địa phương bị động trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách. Việc chia sẻ thông tin về phân bổ, bố trí nguồn lực thực hiện chính sách dân tộc chưa được quan tâm đúng mức.

- Một bộ phận nhân dân, người dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất còn khó khăn nhất là giao thông, thủy lợi, ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ khó áp dụng cơ giới hóa, giá thành sản phẩm cao.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền chưa được chú trọng đúng mức trong tháo gỡ những khó khăn bất cập; Hệ thống chính sách phát triển KT-XH dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa thực sự đồng bộ; công tác tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, chương trình, chính sách... về vùng dân tộc thiểu số chưa đáp ứng trong giai đoạn mới.

- Việc di chuyển, tái định cư với số lượng lớn (2701 hộ, 12.822 khẩu phải di chuyển) thuộc dự án di dân tái định cư Trường bắn Quốc gia khu vực I đã tạo ra khó khăn về việc làm, nhu cầu đất sản xuất, an ninh trật tự, phát triển kinh tế-xã hội trong vùng dân tộc thiểu số.

- Các chính sách do nhiều đầu mối quản lý, chưa rà soát, đánh giá được những khó khăn, bất cập, thiếu thốn của vùng dân tộc, các dân tộc thiểu số để hỗ trợ đầu tư trọng điểm. Năng lực tổ chức, thực hiện các chính sách của đội ngũ cán bộ còn hạn chế; hiệu quả thực hiện một số chính sách chưa cao, nhất là các chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm cho người dân để giảm nghèo bền vững.

- Việc xây dựng, đánh giá, tổng kết, nhân rộng mô hình sản xuất, thu hút các doanh nghiệp, các nguồn lực đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số chưa nhiều, chưa tạo được sự đột phá, vươn lên...chưa có chính sách, nguồn lực đủ mạnh để hỗ trợ phát triển thành phần dân tộc thiểu số có trình độ chậm phát triển.

3. Bài học kinh nghiệm

Những bài học kinh nghiệm trong lãnh chỉ đạo, thực hiện phát triển KT-XH và các chương trình, chính sách trên vùng dân tộc, miền núi giai đoạn 2014-2019.

⁵ Tại 90 xã có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì có tới 40 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (chiếm 44,4%).

Một là, phải quán triệt sâu sắc quan điểm về công tác dân tộc của Đảng trong hệ thống chính trị. Việc thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, đồng thời là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

Hai là, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, điều hành các chính sách dân tộc; phát huy hiệu quả các chương trình, dự án; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao chất lượng phổ biến giáo dục pháp luật và các chính sách dân tộc; giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân ngay từ cơ sở.

Ba là, tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí là quyết định then chốt và là mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, Phải sâu sát cơ sở, làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tập hợp quần chúng. Phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên, chức sắc tôn giáo và người uy tín trong việc tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội.

Năm là, quan tâm công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương về thực hiện công tác dân tộc. Thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2019 - 2024

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DÂN TỘC

- Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh, giữa các thành phần dân tộc thiểu số ngày càng lớn; thu nhập bình quân đầu người/tháng giữa nhóm dân số nghèo với nhóm dân số có thu nhập cao ngày càng tăng. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo ở vùng dân tộc và người dân tộc thiểu số cao đó là khó khăn thách thức không nhỏ đối với công tác giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁶.

- Xuất phát điểm vùng dân tộc thiểu số so với các vùng khác trong tỉnh còn thấp; trình độ dân trí không đồng đều, chất lượng lao động thấp, tập quán sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật của nhân dân còn hạn chế; chuyên dịch cơ

⁶ tỷ lệ hộ nghèo 63 xã vùng khó khăn (20,73%) cao gấp gần 3 lần, 40 xã ĐBKK (32,16%) cao gấp 4,4 lần; tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số (19,13%) cao gấp 2,6 lần mức bình quân chung của tỉnh năm 2018 (7,29%). Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm 35,96% tổng số hộ nghèo trong toàn tỉnh; thu nhập bình quân đầu người tỉnh 41,3 triệu/năm; các dân tộc thiểu số 13,932 triệu đồng/năm.

cầu sản xuất, cơ cấu lao động còn chậm. Một số tệ nạn xã hội như “cờ bạc”, “ma túy”, “rượu chè” và phong tục tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ, tác động xấu đến đời sống, chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc.

- Các thế lực thù địch trong và ngoài nước ngày càng lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, những sơ hở, thiếu sót trong thực hiện chính sách pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo... để kích động quần chúng, gây mất niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Vấn đề phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc, Đài Loan, nạn buôn bán phụ nữ ngày càng tăng, quản lý hộ khẩu, hộ tịch, cần phải quan tâm giải quyết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, giảm nghèo nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa các thành phần dân tộc, giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh và cả nước; từng bước hình thành các Trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật vùng dân tộc. Xây dựng đề án, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, tập trung lồng ghép, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ dân trí, tăng cường chất lượng dịch vụ công, bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng. Xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc làm cơ sở hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2024

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các xã vùng dân tộc thiểu số bình quân 3-4%/năm, trong đó các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân 4%/năm; 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất giảm bình quân 4,5%/năm. Thu nhập bình quân đầu người/năm bằng ½ thu nhập bình quân của tỉnh.

- 100% hộ nghèo người dân tộc thiểu số chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng còn tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được vay vốn, hỗ trợ cải thiện nhà ở; giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất; sắp xếp dân cư ổn định số hộ cư trú phân tán trong các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- 100% xã có đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học tại các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; phấn đấu 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1; 100% người DTTS trong độ tuổi 15 đến hết tuổi lao động biết chữ; thu hẹp dần tiến tới xóa bỏ lớp học cắm bản.

- Phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực, nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động, thông tin thị trường. Phấn đấu đến 2024, nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi người dân tộc thiểu số qua bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo đạt trên 50%, trong đó 20% được đào tạo nghề.

- Nâng tỷ lệ đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa từ 72 % lên 85%, đường trục thôn, liên thôn từ 49% lên 60%, đường ngõ, xóm từ 40% lên 50%; đường nội đồng từ 23% lên 35%; 100% các thôn bản đặc biệt khó khăn bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương từ 33,6% lên 50%, tưới tiêu chủ động cho 75% diện tích trồng lúa nước và cây hàng năm. 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Xóa chi bộ ghép, phấn đấu 100% thôn bản có chi bộ làm hạt nhân chính trị lãnh đạo ở cơ sở.

- Trong nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh cây con có giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Hoàn thành 100% việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng có chủ quản lý. Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh; mở rộng diện tích trồng rừng thâm canh gỗ lớn, diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc tế.

- 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 10%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi

1.1 Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc; tăng cường đầu tư cho các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc của Trung ương và các chính sách hiện hành của tỉnh. Huy động mọi nguồn lực, kêu gọi tài trợ của các tổ chức quốc tế và vốn xã hội hoá từ các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư hỗ trợ nhân dân xây dựng ngầm tràn, đường tránh lũ, cầu qua suối vào các thôn bản đặc biệt khó khăn bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; xây dựng công trình thủy lợi vừa và nhỏ, trạm bơm cục bộ, hệ thống kênh mương tưới tiêu để đáp ứng cơ bản nhu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, các vấn đề tái định cư, nước sản xuất, nước sinh hoạt cho nhân dân phù hợp từng vùng, từng khu vực, từng đối tượng cụ thể như: hỗ trợ trực tiếp bằng đất (khai hoang, chuyển nhượng, đào tạo nghề mới hoặc chuyển đổi nghề), vay vốn tín dụng ưu đãi...Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

- Điện lực Bắc Giang tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp các hệ thống điện tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, vận hành ổn định, có độ tin cậy cao, khắc phục được tình trạng điện yếu, đáp ứng nhu cầu 100 % hộ sử dụng điện lưới quốc gia phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

- Thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động là người dân tộc thiểu số; nghiên cứu xây dựng chính sách tín dụng đặc thù hỗ trợ khởi nghiệp, mô hình, dự án tạo việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số. Tạo môi trường thuận lợi, có cơ chế ưu đãi khuyến khích, thu hút nguồn vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư vào vùng dân tộc, nhất là nguồn lực trong nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ.

1.2 Đẩy mạnh phát triển kinh tế dựa trên tiềm năng đất đai, lợi thế của từng vùng, bảo vệ và phát triển rừng; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất hàng hóa.

- Phát triển các ngành kinh tế có lợi thế ở từng địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý; đưa công nghiệp - dịch vụ về nông thôn. Nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất theo quy trình đạt chất lượng Vietgap, Globalgap, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với bảo vệ môi trường và giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số phù hợp với từng vùng. Đẩy mạnh đầu tư, các hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là những vùng sản xuất tập trung, khai thác triệt để tiềm năng đất đai để phát huy lợi thế, phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, nhất là trâu, bò... Khuyến khích, hỗ trợ cho các hộ gia đình thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi giống mới năng suất cao để phát triển sản xuất hàng hoá đối với các loại cây trồng chính.

- Lựa chọn một số xã làm điểm hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, cho vay vốn dài hạn ít nhất một chu kỳ sau thu hoạch, hỗ trợ nhân dân quản lý vốn, tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng chuỗi sản xuất khép kín có sự tham gia của "4 nhà" (nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và doanh nghiệp). Xây dựng chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp, trang trại, phát triển thương hiệu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch 03 loại rừng đã được phê duyệt; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy chế quản lý từng loại rừng của Chính phủ; rà soát, hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng có chủ quản lý. Rà soát bổ xung một số khu rừng sản xuất gắn với các điểm di tích lịch sử, văn hóa và du lịch sinh thái sang quy hoạch rừng phòng hộ khu vực Thác Ngà huyện Yên Thế; Khuôn Thần, suối Đáy... huyện Lục Ngạn; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển diện tích rừng phòng hộ hồ Cẩm Sơn để bảo vệ nguồn nước, phát triển du lịch sinh thái và cảnh quan môi trường; ngăn chặn, xử lý nghiêm minh tình trạng mua bán đất rừng, nhất là mua, bán rừng tự nhiên trái phép; giải quyết triệt để tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng. Tuyên truyền, hướng dẫn và đẩy

mạnh trồng rừng thâm canh trên các diện tích rừng kinh tế, trong đó mạnh dạn mở rộng diện tích thâm canh rừng gỗ lớn có giá trị, diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc tế (FSC).

1.3 Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Phát triển giáo dục đào tạo, y tế, dạy nghề trong vùng dân tộc thiểu số

- Quan tâm công tác phát triển đảng viên ở các thôn bản vùng dân tộc thiểu số, đảng viên là người dân tộc thiểu số; xóa chi bộ ghép, phấn đấu có 100 % thôn bản có chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ sở

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo các đối tượng quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025";

- Quan tâm đào tạo nghề và sắp xếp việc làm cho lao động nông thôn, nhằm giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng thu hút lao động người dân tộc thiểu số vào các cơ sở sản xuất, tham gia các ngành nghề phi nông nghiệp. Thực hiện tốt kế hoạch đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, dạy nghề cùng với tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức, kinh nghiệm để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước chuẩn hoá đội ngũ y, bác sỹ tuyến huyện, tuyến xã và cán bộ y tế thôn, bản; chú trọng công tác y tế dự phòng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, giữ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong vùng dân tộc bằng với mức bình quân chung của tỉnh. Nâng cao kiến thức cho người dân về vấn đề an toàn thực phẩm, đuối nước trẻ em, tảo hôn trong vùng dân tộc.

1.4 Công tác bảo vệ môi trường, sinh thái vùng dân tộc

- Chú trọng kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động doanh nghiệp, khai thác khoáng sản, có giải pháp hữu hiệu để hạn chế mức thấp nhất những tác động đến môi trường sinh thái, cảnh quan tự nhiên khi triển khai các dự án phát triển ở vùng dân tộc. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, nhất là đối với rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Có cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó ưu tiên hỗ trợ cải tạo vệ sinh môi trường nông thôn gắn với tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nâng cao kiến thức vệ sinh phòng dịch đến hộ gia đình và cộng đồng. Đây mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, tập trung thu gom, xử lý rác thải; vận động các hộ dân bố trí khu chăn nuôi, vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Đối với các dân tộc thiểu số chủ yếu

2.1 Nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các thành phần dân tộc thiểu số: Tiếp tục thực hiện hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt chú trọng trong các mô hình mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc. Hỗ trợ kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, kinh nghiệm sản xuất, cho vay vốn dài hạn ít nhất một chu kỳ sau thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ nhân dân quản lý vốn. Giải quyết việc làm có thu nhập cho lao động người dân tộc thiểu số, hỗ trợ xây dựng một số mô hình, dự án tạo việc làm tại chỗ cho hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, nhất là đối với những hộ thiếu đất sản xuất, nhóm thành phần dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

2.2 Lĩnh vực giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí: Tăng cường các hoạt động giao lưu, sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...tại các nhà trường ở khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trường PTDTNT, PTDTBT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Nâng cao chất lượng giáo viên và học sinh, tăng chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú (tỉnh, huyện), dự bị đại học đối với học sinh các dân tộc có tỷ lệ cán bộ/tổng số dân thấp, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao như dân tộc Dao, Cao Lan, Nùng.

2.3 Phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số: Phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số về thể lực nâng thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi; về trí lực, nâng cao số sinh viên đại học cao đẳng người dân tộc thiểu số trên 1 vạn dân, nâng tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học. Rèn luyện kỹ năng sống, tác phong kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh dân tộc thiểu số để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và lâu dài.

2.4 Công tác cán bộ người dân tộc thiểu số: Nghiên cứu, áp dụng các quy định mang tính đặc thù trong việc tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có trình độ từ Đại học trở lên, nhằm tạo nguồn nhân lực tại chỗ, đảm bảo tỷ lệ quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia ở các vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện, xã; lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

2.5 Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số: Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các chính sách pháp luật về đất đai, bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số; phát động đồng bào các dân tộc thiểu số tự chủ trong sắp xếp sinh hoạt cuộc sống gia đình. Tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ để giảm tình trạng tảo hôn, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em dân tộc thiểu số, để người chết quá lâu trong nhà, cúng ma người ốm...Phát huy tốt vai trò người có uy tín trong công tác thông tin hai chiều giữa cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể để nắm bắt

tình hình nhân dân, tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức; bổ sung kiến thức, kinh nghiệm để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

2.6 Công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc: Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc thiểu số như: Nghi lễ Quá tãng của người Dao và dân ca Sán Dìu; xây dựng Đề án “Bảo tồn và phát huy di sản Then (Tày, Nùng) tỉnh Bắc Giang”. Bảo tồn nghi lễ cấp sắc của người Sán Dìu, cây thuốc nam của người Dao, người Cao Lan vùng Tây Yên Tử...phục dựng và phát huy 03 nghề thủ công truyền thống: Nghề làm giấy dó của dân tộc Cao Lan, Nghề nấu rượu men lá và Nghề làm thuốc Nam của đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện: Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam và Yên Thế. Bảo tồn và phục dựng lễ hội: Lễ hội cầu mùa của người Dao bản Nà Hin, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động; Lễ hội Lòong Tồng của người Tày ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động; Lễ hội Ngòi đồng của người Cao Lan, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Giữ gìn, bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số; Xây dựng cơ sở dữ liệu về dân ca Cao Lan, Sán Chí, Then Tày Nùng và các loại hình dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số; lập hồ sơ khoa học một số loại hình di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

Với truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, với sự nỗ lực vượt qua khó khăn để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, không cam chịu đói nghèo, giữ gìn bản sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi. Đại hội tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang luôn đoàn kết, phát huy nội lực, chủ động hội nhập và phát triển./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ
 - Ủy ban Dân tộc;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - UBND tỉnh;
 - Đại biểu dự Đại hội;
 - Văn phòng UBND tỉnh;
 - Ban Dân tộc tỉnh;
 - Lưu: VT
- Đề báo cáo

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

**Lê Ánh Dương
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**